

Số: 99/QĐ-CDNDLSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp
và xét công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ DU LỊCH SÀI GÒN

Căn cứ quyết định thành lập trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn số 800/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội ký ngày 28/06/2010;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014;

Căn cứ vào thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội ký ngày ngày 20/10/2015 về việc Quy định đào tạo trình độ sơ cấp;


Căn thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ vào điều kiện đào tạo thực tế của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn”.

Điều 2: Các phòng, khoa và các bộ phận trực thuộc trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định này được áp dụng và có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (theo dõi)
- Các Phòng ĐT, Khoa (thực hiện)
- Phòng HCNS (lưu)


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG NGHỀ
DU LỊCH
SÀI GÒN
Ngô Thị Quỳnh Xuân



QUY CHẾ
Kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp
và xét công nhận tốt nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 99/2017/QĐ-CĐNDLSG
ngày 01 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng đối với học sinh, sinh viên (HSSV) của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn (CĐN DLSG).

2. Quy chế này áp dụng cho tất cả các lớp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và trình độ cao đẳng tại trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn.

Điều 2. Thi, kiểm tra

1. Kiểm tra trong quá trình học tập, gồm:

- a). Kiểm tra thường xuyên (KT_{TX});
- b). Kiểm tra định kỳ (KT_{ĐK});
- c). Thi kết thúc môn học, môn đùn (Đ_{KT}).
- d). Điểm tổng kết môn học, môn đùn (Đ_{TKM}).

2. Thi tốt nghiệp, thi kết thúc khóa học:

a). Thi kết thúc khóa học đối với trình độ Sơ cấp theo hình thức thực hành các công việc đơn giản của nghề.

b). Thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp bao gồm:

- Thi môn Chính trị
- Thi môn kiến thức tổng hợp
- Thi môn thực hành.

c). Thi tốt nghiệp đối với trình độ cao đẳng bao gồm:

- Thi môn Chính trị;
- Thi môn kiến thức tổng hợp;
- Thi môn thực hành.

Hoặc được tổ chức theo hình thức bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên có kết quả học tập đạt loại khá, giỏi trở lên. Tùy theo điều kiện của từng ngành nghề được các Khoa chuyên môn lập kế hoạch, đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt.

Điều 3: Đánh giá và lưu kết quả kiểm tra, thi.

1. Đánh giá kết quả kiểm tra, thi được thực hiện theo quy định sau:
 - a). Kết quả kiểm tra, thi được đánh giá theo phương pháp tính điểm và dùng thang điểm 10 (từ 0 đến 10);
 - b). Điểm đánh giá bài thi, kiểm tra được tính tròn đến một chữ số thập phân;
2. Kết quả kiểm tra, thi của HSSV được lưu trong bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của từng cá nhân.

Điều 4: Điều kiện để được công nhận tốt nghiệp

HSSV được công nhận tốt nghiệp khi có kết quả thi tốt nghiệp hoặc thi kết thúc khóa học đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 20 của quy chế này.

Chương 2 **KIỂM TRA, THI VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỐI VỚI** **TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP VÀ CAO ĐẲNG**

Mục 1 **KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN VÀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ**

Điều 5. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

1. Kiểm tra thường xuyên (KT_{TX}): thời gian thực hiện bằng hoặc dưới 30 phút.
2. Kiểm tra định kỳ (KT_{ĐK}): thời gian thực hiện từ 30 đến 60 phút.
3. Cách thức thực hiện kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ:
 - a). Kiểm tra đánh giá quá trình học do giáo viên, giảng viên (GV) giảng dạy thực hiện theo những yêu cầu sau:
 - Nội dung kiểm tra là những nội dung đã được giảng dạy cho HSSV;
 - Nội dung và hình thức kiểm tra thường xuyên do giáo viên, giảng viên tự quyết định;
 - Nội dung và hình thức kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun, có thể bằng hình thức kiểm tra viết, chấm điểm bài tập, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.
 - b). Các bài kiểm tra theo hình thức kiểm tra viết, tiểu luận, bài tập sau khi chấm giáo viên, giảng viên phải trả lại cho HSSV ngay sau khi công bố điểm kiểm tra.
 - c). Quy định mỗi một môn học, mô-đun, HSSV có 01 (một) điểm kiểm tra thường xuyên, và 01 (một) điểm kiểm tra định kỳ; Giáo viên, giảng viên có thể tổ chức kiểm tra thường xuyên và định kỳ nhiều lần/một môn học, môn đụn. Ngay khi kết thúc môn học, môn đụn giáo viên, giảng viên chịu trách nhiệm tổng hợp số điểm, công bố cho HSSV và nộp về các Khoa chuyên môn: 01 (một) điểm kiểm tra thường xuyên, và 01 (một) điểm kiểm tra định kỳ chính thức.

3. HSSV phải tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ; **Điểm trung bình chung** kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ phải lớn hơn hoặc bằng (\geq) 5 điểm.

4. Trường hợp HSSV có điểm trung bình chung kiểm tra dưới 5.0 điểm (<5 điểm) thì được giáo viên, giảng viên giảng dạy bổ trí kiểm tra bổ sung.

5. Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

$$\overline{Đ}_{TBC} = \frac{KT_{TX} + (KT_{ĐK} \times 2)}{3}$$

$\overline{Đ}_{TBC}$: Điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

KT_{TX} : Điểm kiểm tra thường xuyên

$KT_{ĐK}$: Điểm kiểm tra định kỳ

Ví dụ: $KT_{TX} = 4.0$; $KT_{ĐK} = 6.0$

$$\overline{Đ}_{TBC} = \frac{4 + (6 \times 2)}{3} = 5,3 = \text{ĐẠT}$$

6. Điểm trung bình chung kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ có trọng số 0,4. ($\overline{Đ}_{TBC} \times 0.4$)

Mục 2 THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN

Điều 6. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Thi kết thúc môn, mô-đun học được thực hiện cho tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo.

2. Cuối mỗi học kỳ, các Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức 1 (một) kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô-đun;

3. Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần;

4. Ngoài ra, các Khoa chuyên môn có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun vào thời điểm khác cho HSSV đủ điều kiện dự thi; Trưởng khoa chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch trình hiệu trưởng xét duyệt và thông báo cụ thể đến HSSV, và đảm bảo thời gian công bố lịch thi tại khoản 2 điều này;

5. Trong kỳ thi, từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một HSSV;

6. Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô-đun tỷ lệ thuận với số giờ của môn học, mô-đun đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học, mô-đun phải bố trí giáo viên giảng viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho HSSV ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

7. Danh sách HSSV đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố trước ngày thi môn học, mô-đun đó ít nhất 05 ngày làm việc;

8. Danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được thông báo cho HSSV trước ngày thi kết thúc môn học, mô-đun đó từ 1 - 2 ngày làm việc.

Điều 7. Hình thức và thời gian làm bài thi kết thúc môn học, môn đun

1. Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

2. Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô-đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do khoa chuyên môn đề xuất, trình hiệu trưởng ra quyết định;

3. Hình thức và thời gian làm bài thi kết thúc môn học, môn đun được quy định tại đề cương chi tiết môn học, môn đun và tại quy định v/v hình thức thi các môn học được các khoa chuyên môn xây dựng, cập nhật và ban hành hàng năm.

Điều 8. Ra đề thi, coi thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Nội dung đề thi:

a). Nội dung Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô-đun đã được quy định trong chương trình đào tạo;

b). Bảo đảm phải có ngân hàng đề thi kết thúc môn học, mô-đun của tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo được hiệu trưởng phê duyệt; đề thi phải được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi và được các Trưởng khoa ký duyệt trước khi thi.

c). Khi biên soạn nội dung đề thi cần chú ý các điểm sau đây:

- Đề thi phải đánh máy rõ ràng và phải đánh số trang (trang số/ tổng số trang);

- Sau khi biên soạn xong cần sử dụng mật mã (password) để bảo mật đề thi.

2. Coi thi:

a). Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất 2 (hai) cán bộ coi thi và không bố trí quá 50 HSSV dự thi; được thực hiện theo nội quy phòng thi và quy trình coi thi của trường.

b). Tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản theo quy định của trường.

3. Chấm thi:

a) Mỗi bài thi kết thúc môn học, mô-đun phải do ít nhất 02 giáo viên chấm thi, cho điểm độc lập nhau và phải ký đầy đủ vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng điểm tổng hợp của HSSV dự thi; trong đó, bài thi viết tự luận phải được làm phách trước khi chấm, và việc chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do tổ bộ môn xây dựng trình trưởng khoa xét duyệt theo đặc thù của từng môn học, môn đun cụ thể;

b) Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giáo viên chấm thi; trường hợp điểm của các giáo viên chấm thi đối với một bài thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì trường khoa phải tổ chức xem xét hoặc chấm thi lại, nếu chấm thi lại mà chưa thống nhất được điểm thì trường khoa hoặc trường bộ môn xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi;

c) Bài thi trên máy tính (chấm thông qua phần mềm CCsTrain) được quy định và hướng dẫn cụ thể về tổ chức thực hiện. Kết quả thi được công bố ngay khi HSSV kết thúc thời gian làm bài thi.

d). Trường hợp HSSV không đủ điều kiện dự thi, vắng thi thì phải nhận điểm 0 cho lần thi đó.

4. Công bố điểm thi:

a). Điểm thi, kiểm tra theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc bảo vệ báo cáo thực tập được giám khảo công bố cho HSSV biết sau khi chấm;

b). Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác được công bố cho HSSV biết chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi xong (ngày thi của môn thi cuối cùng của kỳ thi).

Điều 9. Điều kiện dự thi và số lần dự thi kết thúc môn học, môn đụn

1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, môn đụn:

HSSV được dự kiểm tra kết thúc môn học khi có đầy đủ các điều kiện sau:

a). Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, môn-đụn được quy định trong chương trình môn học, môn-đụn;

b). Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

c). Còn số lần dự thi kết thúc môn học, môn đụn theo quy định tại khoản 2 điều này.

2. Số lần dự thi kết thúc môn học, môn đụn:

a). Thi kết thúc môn học, môn đụn được tổ chức 2 (hai) lần.

b). HSSV được dự thi kết thúc môn học, môn-đụn lần thứ nhất, nếu điểm môn học, môn-đụn chưa đạt yêu cầu (<5 điểm) thì được dự thi thêm 01 (một) lần nữa ở kỳ thi lần 2 do văn phòng Khoa tổ chức; Thời điểm tổ chức thi kết thúc môn học, môn đụn lần 2 cách thời điểm thi kết thúc môn học lần thứ nhất tối thiểu là 2 tuần, tối đa là 04 tuần.

c) HSSV vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được văn phòng Khoa bố trí dự thi ở kỳ thi khác (và được tính là lần thi thứ 1).

d). HSSV sau 2 (hai) lần kiểm tra kết thúc môn học, môn đụn vẫn có điểm kiểm tra dưới 5.0 điểm, phải học lại môn học, môn đụn đó và HSSV phải liên hệ văn phòng Khoa để đăng ký học lại. Khi học lại, HSSV phải đóng phí theo quy định của nhà trường.



Điều 10. Học và thi lại

1. HSSV phải *học và thi lại* môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi (Điều 6);
- Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun (đã thi 2 lần) nhưng điểm môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu;

2. HSSV thuộc diện phải *học và thi lại* không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học, mô-đun lần học trước đó (không được giữ lại điểm kiểm tra quá trình thường xuyên và định kỳ), mà phải bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại khoản 1 Điều 9 mới được dự thi kết thúc môn học, mô-đun;

3. Trường hợp không còn môn học, mô-đun do điều chỉnh chương trình thì hội đồng khoa đề xuất hiệu trưởng quyết định chọn môn học, mô-đun khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành, nghề đào tạo.

4. HSSV đăng ký học lại môn học, mô-đun và được văn phòng khoa bố trí học lại trong thời gian quy định. Đồng thời, phải theo dõi danh sách và thông báo thời hạn học lại. Khi học lại, HSSV phải đóng phí theo quy định của nhà trường.

Điều 11. Điểm thi kết thúc môn học, môn đun

1. Điểm thi kết thúc môn học, môn đun phải ≥ 5 điểm;
2. Điểm thi kết thúc môn học, môn-đun có trọng số 0,6 ($D_{KT} \times 0.6$).

Điều 12. Điểm tổng kết môn học

1. Cách tính điểm tổng kết môn học:

Điểm Tổng kết môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

$$D_{TKM} = (D_{TBC} \times 0.4) + (D_{KT} \times 0.6)$$

Trong đó :

- D_{TKM} : Điểm tổng kết môn học, môn đun
- D_{TBC} : Điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ
- D_{KT} : Điểm kiểm tra kết thúc môn học, môn đun.

2. Điểm tổng kết môn học, môn đun được tính tròn đến một chữ số thập phân.

$$VD: D_{TKM} = (5.3 \times 0.4) + (7 \times 0.6) = 2,1 + 4.2 = 6.3$$

Điều 13: Điểm trung bình học kỳ, năm học, khóa học

1. Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- + A: là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học;
- + i: là số thứ tự môn học, mô-đun;
- + a_i: là điểm của môn học, mô-đun thứ i;
- + n_i: là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i;
- + n: là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/khóa học.

2. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học bao gồm cả điểm môn học, mô-đun được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học, mô-đun được miễn trừ và môn học điều kiện.

3. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 (hai) môn học điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

Điều 14. Xếp loại kết quả học tập

1. Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, HSSV được xếp loại về học lực như sau:

a) Xếp loại kết quả học tập của HSSV theo học kỳ và năm học căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học trong học kỳ, năm học theo thang điểm 10 của HSSV đó, cụ thể:

- Loại xuất sắc: từ 9,0 đến 10 điểm;
- Loại giỏi: từ 8,0 đến 8,9 điểm;
- Loại khá: từ 7,0 đến 7,9 điểm;
- Loại trung bình khá: từ 6,0 đến 6,9 điểm;
- Loại trung bình: từ 5,0 đến 5,9 điểm;
- Loại yếu: thấp hơn hoặc bằng 4,9 điểm.

b) HSSV có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập;



- Có 1 (một) môn học hoặc một mô-đun trở lên trong học kỳ, năm học phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).

2. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại HSSV về học lực.

Mục 3

THI TỐT NGHIỆP - BẢO VỆ CHUYÊN ĐỀ, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều 15. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

1. Kế hoạch thi tốt nghiệp do Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xây dựng; Kế hoạch bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được Phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn thống nhất xây dựng và công bố công khai trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là 05 tuần.

2. Hội đồng thi tốt nghiệp:

a) Thành lập hội đồng thi tốt nghiệp:

Hội đồng thi tốt nghiệp do Phòng đào tạo trình hiệu trưởng ra quyết định thành lập, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo;

- Phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo hoặc trưởng phòng đào tạo;

- Thư ký hội đồng là trưởng phòng đào tạo hoặc phó trưởng phòng đào tạo;

- Các ủy viên: gồm một số cán bộ, giáo viên của trường (có thể mời thêm đại diện doanh nghiệp);

- Cán bộ, nhân viên, giáo viên của trường có HSSV dự thi tốt nghiệp là người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) thì không được tham gia hội đồng và không được thực hiện nhiệm vụ trong các ban hoặc tiểu ban ra đề thi, coi thi, chấm thi liên quan đến HSSV đó;

- Số lượng các thành viên trong hội đồng ít nhất là 05 người.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp:

- Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp chịu trách nhiệm quy định cụ thể và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

- Chủ tịch hội đồng ra quyết định thành lập các ban giúp việc hội đồng, bao gồm:

+ Ban thư ký;

+ Ban ban đề thi;

+ Ban coi thi;

+ Ban chấm thi.

+ Ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

Ngoài ra, chủ tịch hội đồng có thể ra quyết định thành lập các ban giúp việc khác;

c) Ban giúp việc hội đồng thi tốt nghiệp:

- Thành phần của 1 (một) ban giúp việc gồm có trưởng ban và ủy viên, trong đó trưởng ban do 1 (một) thành viên trong hội đồng thi tốt nghiệp kiêm nhiệm, các ủy viên khác không bắt buộc phải là thành viên hội đồng;

- Mỗi ban giúp việc có thể được tổ chức thành các tiểu ban, thành phần của mỗi tiểu ban gồm có trưởng tiểu ban và ủy viên;

- Các thành viên của ban đề thi, ban chấm thi, ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp là giáo viên đủ tiêu chuẩn về giáo viên, giảng viên trong giáo dục nghề nghiệp hoặc các chuyên gia của các doanh nghiệp đã tốt nghiệp đại học về ngành, nghề đào tạo phù hợp với nội dung thi, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

d) Nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng thi tốt nghiệp:

- Tổ chức xét và trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách HSSV đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi, dự bảo vệ chuyên đề khóa luận tốt nghiệp;

- Tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

- Xây dựng, trình hiệu trưởng quyết định và công bố nội quy thi, quy trình chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo và xử lý điểm sau phúc khảo; xây dựng đề cương ôn tập thi tốt nghiệp, đề thi và các tài liệu khác liên quan đến kỳ thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp trình hiệu trưởng phê duyệt;

- Bảo mật đề thi;

- Tổ chức công tác coi thi, kiểm tra giám sát thi, chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo; xử lý hoặc đề xuất với hiệu trưởng xử lý các trường hợp vi phạm nội quy thi, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ thi;

- Xét điều kiện tốt nghiệp cho HSSV;

- Trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách HSSV đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp;

- Báo cáo hiệu trưởng các vấn đề liên quan đến kỳ thi và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác liên quan đến việc tổ chức kỳ thi theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Ra đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp

a) Đề thi phải phù hợp với đề cương ôn thi, mỗi môn thi phải có một bộ đề thi chính và ít nhất một bộ đề thi dự bị tương đương về nội dung kiến thức và có cùng thời gian làm bài thi đối với môn thi Chính trị và môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp;

b) Điểm đáp án của đề thi theo hình thức thi viết, thực hành được chia nhỏ theo ý không quá 0,25 điểm theo thang điểm 10; trong đó, nếu điểm toàn bài thi có điểm lẻ là 0,25 thì quy tròn thành 0,5; có điểm lẻ là 0,75 thì quy tròn thành 1,0;

c) Việc coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo, công bố điểm thi được thực hiện như kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun; trong đó, chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp là người quyết định cuối cùng điểm thi.

Điều 17. Điều kiện dự thi tốt nghiệp

1. Điều kiện dự thi tốt nghiệp:

HSSV được dự thi tốt nghiệp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Điểm tổng kết các môn học, mô-đun trong chương trình đạt yêu cầu trở lên (≥ 5);

b) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Còn số lần dự thi và trong quỹ thời gian được dự thi tốt nghiệp theo quy định;

d) Không vượt quá thời hạn tối đa 05 năm tính từ ngày môn học, môn đôn thứ nhất bắt đầu đối với hệ cao đẳng và không quá 03 năm tính từ ngày môn học, môn đôn thứ nhất bắt đầu đối với hệ trung cấp mà HSSV đó tham dự;

đ) HSSV không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu vẫn còn quỹ thời gian để hoàn thành các môn học, mô-đun trong chương trình theo quy định (theo mục d điều này) thì được các Khoa chuyên môn xem xét, đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt, cho phép HSSV được hoàn thành các môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu và tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;

e) HSSV không đủ điều kiện dự thi do bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học, thì được hội đồng tốt nghiệp tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, trình hiệu trưởng xét duyệt;

f) Trường hợp HSSV có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được hội đồng Khoa tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho HSSV đó.

2. Số lần dự thi tốt nghiệp

a). HSSV dự thi có môn thi tốt nghiệp điểm đạt từ 5,0 điểm trở lên không được thi cải thiện điểm;

b) Nếu dưới 5,0 điểm thì được dự thi lại môn thi đó, nhưng không quá 03 lần trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định (tại mục d khoản 1 điều này);

c). Thời gian thi lại lần thứ nhất tối thiểu 30 ngày làm việc kể từ ngày trường công bố kết quả thi tốt nghiệp; lần thứ 2 và lần thứ 3 do nhà trường quy định.

d) HSSV vắng mặt ở môn thi nào nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 và vẫn tính số lần dự thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì được bố trí dự thi môn thi đó ở kỳ thi tốt nghiệp khác và chưa tính số lần dự thi, đồng thời, phải bảo đảm trong quỹ thời gian tối đa cho phép để hoàn thành chương trình theo quy định (tại mục d khoản 1 điều này).

Điều 18. Tổ chức thi Tốt nghiệp

1. Thi môn Chính trị:

Thi môn Chính trị được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian 90 phút ở trình độ trung cấp, 120 phút ở trình độ cao đẳng hoặc thi trắc nghiệm với thời gian từ 45 phút đến 60 phút.

2. Thi môn Lý thuyết tổng hợp:

Thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức thi viết hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp cả hai với thời gian thi không quá 180 phút.

3. Thi môn Thực hành:

Thi môn Thực hành nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một phần của sản phẩm hoặc một sản phẩm dịch vụ, công việc. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày; Thời gian thi cụ thể đối với từng ngành, nghề do các khoa chuyên môn đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt và ban hành quy định.

4. Trường hợp được tổ chức theo hình thức bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ cao đẳng có kết quả học tập đạt loại khá, giỏi trở lên. Tùy theo điều kiện của từng ngành nghề được các Khoa chuyên môn lập kế hoạch cụ thể, đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt và thực hiện.

Điều 19. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

1. Khối lượng của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không quá 5 tín chỉ trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Khoa chuyên môn căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, năng lực của đội ngũ giảng viên đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định những sinh viên được làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

3. Phân công hướng dẫn và duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp:

a) Khoa chuyên môn lập danh sách đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt quyết định phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp theo đề nghị của trưởng khoa chuyên môn;

b) Tiêu chuẩn giảng viên hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp với chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học; có trách nhiệm đối với việc hướng dẫn sinh viên;

c) Số lượng chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp giao cho giảng viên hướng dẫn được giới hạn ở mức cao nhất của 1 (một) khóa học như sau:

- Giảng viên học vị kỹ sư, cử nhân: 3 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

- Giảng viên học vị thạc sĩ: 4 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

- Giảng viên học vị tiến sĩ: 5 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

d) Giảng viên hướng dẫn cùng với sinh viên xác định chuyên đề, khóa luận và gửi về khoa chuyên môn; việc duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên do Hội đồng Khoa thực hiện và báo cáo kết quả cho hiệu trưởng.

4. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đủ tiêu chuẩn được bảo vệ:

a) Hình thức: do Hội đồng Khoa đề xuất, trình hiệu trưởng xét duyệt.

b) Nội dung:

- Được giảng viên hướng dẫn xác nhận bằng văn bản bảo đảm nội dung đạt yêu cầu và đề nghị cho bảo vệ;

- Nếu nội dung không đạt yêu cầu, giảng viên hướng dẫn cần đề nghị Hội đồng khoa gia hạn cho sinh viên hoặc cho sinh viên chuyển sang dự thi tốt nghiệp (nếu kịp thời gian ôn tập và thi);

c) Văn bản đề nghị cho sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của giảng viên hướng dẫn và toàn văn chuyên đề, khóa luận nộp về khoa chuyên môn trước khi bảo vệ 15 ngày; chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được giao cho ban chấm trước khi bảo vệ ít nhất 10 ngày.

5. Chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp:

a) Ban chấm một chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (sau đây gọi là ban chấm) có từ 3 đến 5 thành viên gồm: trưởng ban, thư ký và các ủy viên. Giảng viên hướng dẫn có thể tham gia hoặc không tham gia; nếu không tham gia ban chấm thì cho điểm đánh giá chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp vào một phiếu kín và gửi cho ban chấm; nếu tham gia ban chấm thì cho điểm vào 2 phiếu kín (1 phiếu với tư cách người hướng dẫn, 1 phiếu với tư cách thành viên ban chấm);

b) Ban chấm chỉ họp khi có mặt từ 3 thành viên trở lên; trưởng ban và thư ký không được vắng mặt.

c) Ban chấm cho điểm bằng hình thức bỏ phiếu kín; điểm trung bình cộng của các thành viên là điểm chính thức của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (điểm lẻ lấy 1 chữ số của phần thập phân, nếu chữ số thứ 2 của phần thập phân từ 6 trở lên thì làm tròn để tăng thêm 1 cho chữ số thứ nhất); VD: $7,16 = 7,2$.

d) Biên bản chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo mẫu quy định của nhà trường;

đ) Kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được công bố ngay sau buổi bảo vệ.

e) Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sau khi bảo vệ được chỉnh sửa theo ý kiến của ban chấm được lưu 1 bản tại khoa chuyên môn và gửi về thư viện trường 1 bản.

Điều 20. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

1. HSSV được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a) Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp phải đạt từ 5,0 trở lên hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp có điểm đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

b) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Hoàn thành các điều kiện khác theo quy định của trường;

d) Trường hợp HSSV có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hội đồng tốt nghiệp tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho HSSV đó.

2. Trường hợp HSSV bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hội đồng tốt nghiệp tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

3. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp hoặc kết thúc ngày bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét tốt nghiệp cho HSSV. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày xét tốt nghiệp cho HSSV, hội đồng xét tốt nghiệp danh sách HSSV có đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

4. Trên cơ sở đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đề nghị, hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp HSSV học đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 21. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

1. Đối với HSSV dự thi tốt nghiệp: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TN} = \frac{3.Đ_{TB} + 2.Đ_{TNTH} + Đ_{TNLT}}{6}$$

Trong đó:

- + $Đ_{TN}$: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp
- + $Đ_{TB}$: điểm trung bình chung toàn khóa học
- + $Đ_{TNTH}$: điểm thi môn Thực hành nghề nghiệp
- + $Đ_{TNLT}$: điểm thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp

2. Đối với sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TN} = \frac{3.Đ_{TB} + 2.Đ_{CB}}{5}$$

Trong đó: $Đ_{CB}$: điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

3. Xếp loại tốt nghiệp của HSSV được căn cứ vào điểm xếp loại tốt nghiệp và tính theo thang điểm 10 như sau:

- a) Loại xuất sắc: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 9,0 đến 10;
- b) Loại giỏi: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 8,0 đến 8,9;

- c) Loại khá: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 7,0 đến 7,9;
 - d) Loại trung bình khá: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 6,0 đến 6,9;
 - e) Loại trung bình: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 5,0 đến 5,9.
4. HSSV có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên không có môn thi tốt nghiệp nào phải thi lại hoặc không phải bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc 01 (một) trong các trường hợp sau:
- a) Có 1 (một) môn học hoặc 1 (một) mô-đun trở lên trong khóa học phải thi lại, học lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được miễn trừ);
 - b) Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên (không tính mức kỷ luật được quy định về vi phạm kiểm tra, thi) trong thời gian học tập tại trường.
5. HSSV phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp như sau:
- a) Có 01 môn thi tốt nghiệp phải thi lại 1 (một) lần thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là loại khá;
 - b) Có 02 môn thi tốt nghiệp phải thi lại 01 (một) lần hoặc có 01 (một) môn thi tốt nghiệp phải thi lại 02 (hai) lần hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là trung bình khá;
 - c) HSSV phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b của khoản này thì xếp loại tốt nghiệp loại trung bình.
3. Mức xếp loại tốt nghiệp được ghi vào bằng tốt nghiệp và bằng tổng hợp kết quả học tập của HSSV.

Điều 22. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, bằng tốt nghiệp

1. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập:
- a) Ngay khi HSSV được công nhận tốt nghiệp, Phòng Đào tạo trình hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời 01 lần duy nhất có giá trị thời hạn 1 năm, trước khi được cấp bằng tốt nghiệp chính thức;
 - b) HSSV được công nhận tốt nghiệp được cấp bảng điểm theo từng môn học, mô-đun cho toàn khóa học. Trong đó ghi rõ ngành, nghề đào tạo, hình thức đào tạo; kết quả và lý do môn học, mô-đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, khen thưởng và kỷ luật, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp (nếu có);
 - c) Bảng điểm được cấp sau khi HSSV có quyết định công nhận tốt nghiệp, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày HSSV kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng.
 - d) HSSV chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô-đun đã học trong chương trình của trường, trong đó được ghi rõ hình thức đào tạo và lý do HSSV chưa được công nhận tốt nghiệp.

2. Điều kiện về ngoại ngữ để nhận bằng tốt nghiệp:

- HSSV các ngành nộp chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định sau đây trong thời hạn kể từ ngày HSSV nhập học chính thức cho đến chậm nhất là 10 ngày (làm việc) kể từ ngày kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng mà HSSV đó tham dự. Nếu vượt quá thời gian nêu trên, nhà trường sẽ không chịu trách nhiệm về việc cấp phát bằng đúng thời hạn cho HSSV.

a) Đối với ngành Quản trị khách sạn – trình độ cao đẳng:

- Sinh viên đạt 1 (một) trong các điều kiện về Tiếng Anh như sau:

(Khung 6 bậc của Việt Nam)	Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
Bậc 3	B1	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40

- hoặc có chứng chỉ “Upper Intermediate” của các trung tâm ngoại ngữ;

- hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ khác (Nga, Pháp, Đức ...) được quy đổi như sau:

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ
1	Tiếng Nga	TRKI cấp độ 2	2	Tiếng Pháp	DELTA B1
3	Tiếng Đức	ZD cấp độ 2			TCF Niveau 3
		CEFR B1	4	Tiếng Trung	HSK cấp độ 4
5	Tiếng Nhật	Cấp 2 hoặc N2	6	Tiếng Hàn	TOPIK trung cấp 2
7	Tiếng Ý	PLIDA cấp B1	8	Tiếng Tây Ban Nha	DELE cấp B1

b) Đối với ngành Quản trị lễ hành và Hướng dẫn du lịch - trình độ cao đẳng:

- Sinh viên đạt 1 (một) trong các điều kiện về Tiếng Anh như sau:

(Khung 6 bậc của Việt Nam)	Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
Bậc 3	B1	3.5	430 PBT 120 CBT 40 iBT	400	Preliminary PET	Business Preliminary	40

- hoặc có chứng chỉ “Upper Intermediate” của các trung tâm ngoại ngữ;

- hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ khác (Nga, Pháp, Đức ...) được quy đổi tương tự ngành Quản trị khách sạn (hệ cao đẳng).

c) Đối với ngành Quản trị khách sạn - trình độ trung cấp:

- Học sinh đạt 1 (một) trong các điều kiện về Tiếng Anh như sau:

(Khung 6 bậc của Việt Nam)	Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC
Bậc 2 =	A2	3	400 PBT 97 CBT 35 iBT	375

- hoặc có chứng chỉ “Upper Intermediate” của các trung tâm ngoại ngữ;

- hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ khác (Nga, Pháp, Đức ...) được quy đổi như sau:

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ
1	Tiếng Nga	TRKI cấp độ 1	2	Tiếng Pháp	DELTA A2
3	Tiếng Đức	ZD cấp độ 1			TCF Niveau 2
		CEFR A2	4	Tiếng Trung	HSK cấp độ 3
5	Tiếng Nhật	Cấp 3 hoặc N4	6	Tiếng Hàn	TOPIK sơ cấp 2
7	Tiếng Ý	PLIDA cấp A2	8	Tiếng Tây Ban Nha	DELE cấp A2

3. Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho HSSV đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày HSSV kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng.

Chương 3 THI, KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỐI VỚI TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Điều 23. Kiểm tra trong quá trình học tập

Kiểm tra trong quá trình học tập đối với học viên trình độ sơ cấp được thực hiện như kiểm tra trong quá trình học tập đối với trình độ trung cấp và cao đẳng.

Điều 24. Điều kiện dự thi kết thúc môn đụn

a) Điều kiện dự kiểm tra kết thúc mô - đụn: học viên được dự kiểm tra kết thúc mô - đụn khi có đủ điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô - đụn được quy định trong đề cương chi tiết của mô - đụn.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên.

Trường hợp học viên bị ốm trong quá trình học hoặc trong kỳ kiểm tra kết thúc mô - đụn, phải viết đơn xin phép gửi văn phòng khoa trong thời hạn không quá 1 (một) tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường hoặc cơ quan y tế cấp xã trở lên nhưng phải đảm bảo tham dự lớp học đủ thời gian theo quy định tại điểm này.

b) Hình thức, thời gian kiểm tra:

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô - đụn là thực hiện bài kiểm tra kỹ năng tổng hợp, gồm kiến thức và kỹ năng thực hành một hoặc một số khâu công việc của nghề.

- Thời gian làm bài kiểm tra kết thúc mô - đụn đối với mỗi bài kiểm tra viết từ 60 đến 120 phút, trắc nghiệm 60 đến 90 phút, thực hành không quá 08 giờ/ ngày. Thời

gian làm bài kiểm tra đối với các hình thức kiểm tra khác do Khoa chuyên môn đề xuất cụ thể căn cứ đặc thù của nghề, trình hiệu trưởng xét duyệt bàn hành.

- Hình thức kiểm tra, thời gian làm bài kiểm tra kết thúc mô - đun phải được quy định trong đề cương chi tiết của mô - đun.

Điều 25. Kiểm tra hoặc thi kết thúc khóa học (dưới đây gọi là thi kết thúc khóa học)

1. Điều kiện để học viên được dự thi kết thúc khóa học:

a). Các điểm tổng kết mô - đun phải đạt từ 5,0 điểm trở lên;

b). Không trong thời gian đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm tổ chức kiểm tra hoặc thi kết thúc khóa học.

2. Hình thức thi kết thúc khóa học:

Thi kết thúc khóa học theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để thực hiện các công việc đơn giản của nghề.

Điều 26. Công nhận tốt nghiệp (trình độ sơ cấp)

1. Cách tính điểm tổng kết khóa học

Điểm tổng kết khóa học trình độ sơ cấp được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TKKH} = \frac{\sum_{i=1}^n Đ_{i_{TKM}} + 2 Đ_T}{n + 2}$$

Trong đó:

- $Đ_{TKKH}$: Điểm tổng kết khóa học

- $Đ_{i_{TKM}}$: Điểm tổng kết mô - đun thứ i

- $Đ_T$: Điểm thi kết thúc khóa học

- n: Số lượng các mô - đun đào tạo

2. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp

Học viên trình độ sơ cấp được công nhận tốt nghiệp khi có điểm tổng kết khóa học được tính theo quy định tại khoản 1 của Điều này từ 5,0 điểm trở lên.

3. Xếp loại tốt nghiệp

a) Việc xếp loại tốt nghiệp cho học viên được căn cứ vào điểm tổng kết khóa học.

b) Các mức xếp loại tốt nghiệp được quy định như sau:

- Loại xuất sắc có điểm tổng kết khóa học từ 9,0 đến 10;

- Loại giỏi có tổng kết khóa học từ 8,0 đến dưới 9,0;

- Loại khá có điểm tổng kết khóa học từ 7,0 đến dưới 8,0;

- Loại trung bình khá có điểm tổng kết khóa học từ 6,0 đến dưới 7,0;

- Loại trung bình có điểm tổng kết khóa học từ 5,0 đến dưới 6,0.

c) Các mức xếp loại tốt nghiệp xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá của học viên sẽ bị giảm đi một mức nếu học viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học hoặc có một mô - đun trở lên trong khóa học phải thi lại, học lại (không tính mô - đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ nếu có).

d) Mức xếp loại tốt nghiệp được ghi vào chứng chỉ sơ cấp và bằng tổng hợp kết quả học tập của học viên.

4. Công nhận tốt nghiệp

- Căn cứ báo cáo của hội đồng kiểm tra hoặc thi kết thúc khóa học, Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố tới học viên chậm nhất 02 tuần kể từ khi kết thúc khóa học.

Chương 4 **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 27.

1. Quy chế này là cơ sở cho việc tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn. Phòng Đào tạo, các khoa chuyên môn, giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quy chế này.

2. Quy chế tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn gồm 04 chương, 27 Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho tất cả các khóa đào tạo trình độ, sơ cấp, trung cấp và cao đẳng tuyển sinh năm 2017 trở về sau.



Ngô Thị Quỳnh xuân